**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**
**Địa chỉ: 72 nguyễn Huệ, Quận 1, TPHCM**
**Mã số thuế: 0301955155**

*Mẫu CBTT-05: (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
# (QUÝ II NĂM 2009)

**Đơn vị tính: VNĐ**

## I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| STT | Nội dung | Số dư đầu kỳ | Số dư cuối kỳ |
|---|---|---|---|
| ***I*** | ***Tài sản ngắn hạn*** | **2,453,072,323,455** | **3,594,440,735,278** |
| 1 | Tiền | 1,178,163,112,415 | 2,380,564,231,226 |
| 2 | Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác | 1,043,054,249,460 | 1,006,513,771,546 |
| | - Chứng khoán tự doanh | 798,571,380,808 | 739,628,084,627 |
| | - Chứng khoán ngắn hạn của người ủy thác đầu tư | 290,194,706,108 | 306,070,929,168 |
| | - Đầu tư ngắn hạn khác | | |
| | - Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn | (45,711,837,456) | (39,185,242,249) |
| 3 | Các khoản phải thu | 226,050,410,596 | 201,785,174,545 |
| 4 | Vật liệu , công cụ tồn kho | - | - |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 5,804,550,984 | 5,577,557,961 |
| ***II*** | ***Tài sản dài hạn*** | **3,043,084,938,127** | **2,968,448,290,349** |
| 1 | Tài sản cố định | 161,557,130,440 | 159,379,784,363 |
| | - TSCĐ hữu hình | 37,444,166,008 | 35,051,117,381 |
| | - TSCĐ thuê tài chính | | |
| | - TSCĐ vô hình | 124,112,964,432 | 124,328,666,982 |
| 2 | Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác | 2,863,386,923,345 | 2,788,431,726,263 |
| | - Chứng khoán tự doanh | 2,535,200,795,052 | 2,315,340,846,228 |
| | - Đầu tư vào các công ty liên kết | 440,414,327,607 | 467,811,065,385 |
| | - Đầu tư dài hạn khác | 131,393,890,000 | 131,393,890,000 |
| | - Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn | (243,622,089,314) | (126,114,075,350) |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | |
| 4 | Tài sản dài hạn khác | 18,140,884,342 | 20,636,779,723 |
| **III** | **Tổng cộng tài sản** | **5,496,157,261,582** | **6,562,889,025,627** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***IV*** | ***Nợ phải trả*** | **1,434,124,500,831** | **2,317,868,008,129** |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 860,777,286,344 | 1,716,587,444,424 |
| 2 | Nợ dài hạn | 573,347,214,487 | 601,280,563,705 |
| ***V*** | ***Nguồn vốn chủ sở hữu*** | **4,062,032,760,751** | **4,245,021,017,498** |
| 1 | Vốn góp ban đầu | 1,533,334,710,000 | 1,533,334,710,000 |
| 2 | Vốn bổ sung | 1,996,057,965,000 | 1,996,057,965,000 |
| 3 | Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối | 651,821,081,372 | 835,775,751,120 |
| 4 | Vốn điều chỉnh | (119,180,995,621) | (120,147,408,622) |
| ***VI*** | **Tổng nguồn vốn** | **5,496,157,261,582** | **6,562,889,025,627** |

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

***(Áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, tín dụng….)***

| STT | Chỉ tiêu | Kỳ báo cáo | Luỹ kế |
|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán | 198,935,181,302 | 303,837,127,170 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| 3 | Doanh thu thuần | 198,935,181,302 | 303,837,127,170 |
| 4 | Thu lãi đầu tư | - | - |
| 5 | Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư | 198,935,181,302 | 303,837,127,170 |
| 6 | Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán | (19,913,673,899) | 36,336,087,643 |
| | *Trong đó:* | | |
| | Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán | 104,120,935,272 | 187,231,508,366 |
| | Chi phí dự phòng chứng khoán | (124,034,609,171) | (150,895,420,723) |
| 7 | Lợi nhuận gộp | 218,848,855,201 | 267,501,039,527 |
| 8 | Chi phí quản lý | | - |
| 9 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán | 218,848,855,201 | 267,501,039,527 |
| 10 | Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh | (59,833,842) | (27,166,124) |
| 11 | Lợi nhuận từ các công ty liên kết | 27,396,737,778 | 14,743,984,564 |
| 12 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 246,185,759,137 | 282,217,857,967 |
| 13 | Lợi nhuận tính thuế | 206,266,404,751 | 235,794,844,294 |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 41,216,824,336 | 46,973,833,752 |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế | 204,968,934,801 | 235,244,024,215 |
| 16 | Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu ( nếu có) | | |
| 17 | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu ( nếu có) | | |

Ngày 15 tháng 7 năm 2009

| Người lập | Kế Toán Trưởng | Phó Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị Hải Anh | Hoàng Thị Minh Thủy | Nguyễn Hồng Nam |